P3 CB3

BỘ CÔNG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40/2012/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2012*

THÔNG TƯ

Quy định công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Xây dựng; Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 về quản lý đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định số 209/2004/NĐ-CP); Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP (Nghị định số 49/2008/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng (Nghị định số 85/2009/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (Nghị định số 12/2009/NĐ-CP), Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP (Nghị định số 83/2009/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng (Nghị định số 48/2010/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định cụ thể về hình thức, tổ chức, nội dung và phân công trách nhiệm trong công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, đơn vị trực thuộc Bộ; Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người có thẩm quyền trong kiểm tra* là Bộ trưởng Bộ Công an và Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.

2. *Cơ quan kiểm tra* là Cục Quản lý xây dựng cơ bản và doanh trại, thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

3. *Đối tượng kiểm tra* là dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình và hạng mục công trình xây dựng thuộc dự án khác (thực hiện theo nhóm của dự án), dự án thành phần sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác do Bộ Công an quản lý.

Điều 4. Mục đích, yêu cầu kiểm tra

1. Việc kiểm tra nhằm phát hiện sai sót, yếu kém trong quá trình thực hiện dự án đầu tư; tồn tại, khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật về đầu tư. Qua đó, kịp thời kiến nghị người có thẩm quyền xử lý sai phạm; kiến nghị cơ quan chức năng sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

2. Công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình phải được tiến hành thường xuyên; nội dung kiểm tra phải phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan; đề xuất, kiến nghị sau kiểm tra phải kịp thời, cụ thể.

3. Trong quá trình kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra phải làm việc công tâm, cầu thị, tuân thủ pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
HÌNH THỨC, TỔ CHỨC KIỂM TRA

Điều 5. Hình thức kiểm tra

Công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân được thực hiện theo hai hình thức là kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

1. Kiểm tra định kỳ là việc tiến hành kiểm tra theo kế hoạch được duyệt hằng năm, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan kiểm tra.

2. Kiểm tra đột xuất là việc kiểm tra vụ việc theo chỉ đạo của người có thẩm quyền trong kiểm tra và của Thủ trưởng Cơ quan kiểm tra.

Điều 6. Kiểm tra định kỳ

1. Kế hoạch kiểm tra

Cơ quan kiểm tra lập kế hoạch kiểm tra trình người có thẩm quyền trong kiểm tra phê duyệt. Kế hoạch kiểm tra được thông báo trước cho chủ đầu tư tối thiểu 05 ngày trước khi kiểm tra để chuẩn bị nội dung báo cáo. Kế hoạch kiểm tra được lập theo biểu mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gồm các nội dung:

a) Danh sách đơn vị, dự án sẽ kiểm tra;

b) Thời gian dự kiến kiểm tra;

c) Phạm vi và nội dung kiểm tra;

d) Đơn vị phối hợp kiểm tra (nếu có).

2. Quyết định kiểm tra

Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra được duyệt, Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ban hành quyết định kiểm tra theo mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gồm các nội dung sau:

a) Căn cứ tiến hành kiểm tra;

b) Thành phần đoàn kiểm tra (trưởng đoàn, phó trưởng đoàn, thư ký đoàn và các thành viên);

c) Nội dung kiểm tra;

d) Trách nhiệm của trưởng đoàn kiểm tra;

đ) Thời gian kiểm tra;

e) Kinh phí hoạt động của đoàn kiểm tra;

g) Trách nhiệm của cá nhân, đơn vị có liên quan.

3. Thực hiện kiểm tra

a) Khi kiểm tra, phải tuân thủ kế hoạch và quyết định kiểm tra được duyệt; nếu có vấn đề nảy sinh, tùy từng trường hợp cụ thể phải báo cáo bằng văn bản hoặc báo cáo trực tiếp xin ý kiến chỉ đạo của người có thẩm quyền trong kiểm tra hoặc người ra quyết định kiểm tra.

b) Đoàn kiểm tra thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra; tiến hành kiểm tra, xác minh các thông tin, tài liệu khi cần thiết; kiểm tra kết quả thực hiện để làm cơ sở kết luận các nội dung kiểm tra.

4. Kết thúc kiểm tra

Sau khi kết thúc kiểm tra trực tiếp tại cơ sở, đoàn kiểm tra tiến hành các việc sau:

a) Tổng hợp ý kiến đánh giá, nhận xét của các thành viên trong đoàn kiểm tra.

b) Tổng hợp ý kiến của chủ đầu tư và các đơn vị, cá nhân liên quan.

c) Lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 3 Phụ lục kèm theo Thông tư này.

d) Đưa ra đề xuất, biện pháp khắc phục, chấn chỉnh việc thực hiện dự án; trường hợp phát hiện có những vi phạm về đầu tư xây dựng cơ bản cần đưa ra kiến nghị xử lý tới cấp có thẩm quyền.

đ) Lập báo cáo kết quả kiểm tra để trình Thủ trưởng cơ quan kiểm tra.

e) Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra, Cơ quan kiểm tra ra kết luận kiểm tra. Kết luận kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra và cơ quan quản lý cấp trên của đối tượng kiểm tra (nếu có) và các đơn vị có liên quan (khi cần thiết) để quản lý, xử lý. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Cơ quan kiểm tra lập báo cáo kiểm tra và đề xuất biện pháp xử lý trình người có thẩm quyền trong kiểm tra quyết định.

Điều 7. Kiểm tra đột xuất

a) Trên cơ sở yêu cầu kiểm tra đột xuất của người có thẩm quyền trong kiểm tra hoặc Thủ trưởng cơ quan kiểm tra, Cơ quan kiểm tra phê duyệt quyết định kiểm tra. Nội dung của quyết định kiểm tra thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

b) Quy trình thực hiện kiểm tra và kết thúc kiểm tra đột xuất được tiến hành theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

Mục 2
NỘI DUNG KIỂM TRA

Điều 8. Kiểm tra công tác quản lý chất lượng khảo sát xây dựng

1. Đối với nhiệm vụ khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 6, Điều 9 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, kiểm tra sự phù hợp của nhiệm vụ khảo sát xây dựng với yêu cầu từng loại công việc khảo sát, từng bước thiết kế.

2. Đối với phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, kiểm tra sự phù hợp của phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng với nhiệm vụ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; việc tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

3. Đối với giám sát công tác khảo sát xây dựng theo Điều 11 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, kiểm tra sự phù hợp năng lực hoạt động xây dựng của các nhà thầu khảo sát xây dựng so với hồ sơ dự thầu về nhân lực, thiết bị máy móc phục vụ khảo sát, phòng thí nghiệm được nhà thầu khảo sát xây dựng sử dụng; sự phù hợp năng lực của người giám sát, đơn vị tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định.

4. Đối với báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, kiểm tra việc tuân thủ của báo cáo kết quả khảo sát xây dựng do nhà thầu lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP; việc tuân thủ theo quy định của nhà nước trong công tác kiểm tra, nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng của chủ đầu tư.

Điều 9. Kiểm tra công tác quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình

1. Kiểm tra công tác quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình gồm: hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP; quy trình thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình của chủ đầu tư theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP; công tác nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2008/NĐ-CP và sự phù hợp về năng lực của nhà thầu thiết kế với hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã ký.

2. Đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ thiết kế kỹ thuật với thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng được duyệt, bao gồm:

a) Các nội dung của thuyết minh thiết kế kỹ thuật theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

b) Sự phù hợp của kiến trúc; kết cấu chính; hệ thống kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình; bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; các quy chuẩn, tiêu chuẩn;

c) Chất lượng của bản vẽ: bản vẽ thiết kế phải thể hiện chi tiết về các kích thước, thông số kỹ thuật chủ yếu, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện để lập dự toán, tổng dự toán và lập thiết kế bản vẽ thi công công trình xây dựng; dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình.

3. Đối với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, kiểm tra các nội dung:

a) Nội dung của thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công: thuyết minh phải giải thích đầy đủ các nội dung mà bản vẽ không thể hiện được để người trực tiếp thi công xây dựng thực hiện theo đúng thiết kế.

b) Chất lượng của bản vẽ: bản vẽ thiết kế phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công chính xác và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình.

c) Sự phù hợp của dự toán thi công xây dựng công trình với thiết kế bản vẽ thi công và các quy định của nhà nước.

4. Đối với quy trình thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình của chủ đầu tư, nội dung kiểm tra gồm:

a) Quy trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế ba bước:

- Việc chủ đầu tư tuân thủ quy định của nhà nước về tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật;

- Nội dung báo cáo kết quả thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật.

b) Quy trình tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư đối với các trường hợp thiết kế ba bước, thiết kế hai bước, thiết kế một bước.

- Việc tuân thủ quy định của nhà nước về tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ bản vẽ thi công của chủ đầu tư.

- Nội dung báo cáo kết quả thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 10. Kiểm tra nội dung liên quan đến chất lượng công trình trong công tác đấu thầu

1. Kiểm tra nội dung liên quan đến chất lượng công trình trong công tác đấu thầu gồm: kiểm tra chứng chỉ chuyên môn của người tham gia thực hiện dự án và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu.

2. Đối với chứng chỉ chuyên môn, kiểm tra chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, chứng chỉ liên quan đến trình độ của đội ngũ cán bộ chuyên gia đấu thầu theo quy định tại Điều 9 Luật Đấu thầu.

3. Đối với tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu, nội dung kiểm tra gồm:

a) Việc tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật Đấu thầu và Chương IV Nghị định số 12/2009/NĐ-CP trong công tác lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để khảo sát xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, lập thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình, thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình xây dựng và các công việc tư vấn xây dựng khác.

b) Chất lượng hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Căn cứ pháp lý để ký hợp đồng, nội dung hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng theo quy định tại mục 2 Chương VI Luật Xây dựng; Chương III Luật Đấu thầu; Khoản 16, Khoản 17 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản; Chương VIII Nghị định số 85/2009/NĐ-CP và Nghị định số 48/2010/NĐ-CP.

Điều 11. Kiểm tra công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình

1. Kiểm tra công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình gồm: công tác quản lý chất lượng của chủ đầu tư và công tác quản lý chất lượng của các nhà thầu; chất lượng thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; chất lượng thực hiện công tác giám sát tác giả thiết kế; đánh giá thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định và giám sát chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình và sự phù hợp về chất lượng công trình; hiện trường thi công xây lắp công trình.

2. Đối với công tác quản lý chất lượng công trình của chủ đầu tư, nội dung kiểm tra gồm:

a) Việc tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;

b) Việc tổ chức thực hiện các quy định về chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn môi trường; an toàn vận hành, sử dụng công trình theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực đối với các hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng khi có yêu cầu;

c) Việc tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại các điều 23, 24, 25, 26 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các khoản 5, 6, 7 Điều 1 Nghị định số 49/2008/NĐ-CP;

d) Công tác báo cáo về tình hình thực hiện, chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng định kỳ, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

3. Đối với công tác quản lý chất lượng của nhà thầu, nội dung kiểm tra gồm:

a) Chất lượng thi công xây dựng của nhà thầu thi công xây lắp (gồm xây dựng, lắp đặt vật tư, thiết bị) theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

b) Sự phù hợp về năng lực của nhà thầu và cá nhân tham gia thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị theo quy định tại Điều 53 Nghị định số12/2009NĐ-CP.

c) Sự phù hợp giữa năng lực thực tế của nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: kiểm tra nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng; kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công xây dựng công trình; kiểm tra phòng thí nghiệm và các cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng công trình của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

d) Sự phù hợp của các bộ phận, cá nhân của nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng với yêu cầu, tính chất, quy mô của từng công trường xây dựng;

đ) Phương thức kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng công trình của nhà thầu, bao gồm:

- Kiểm soát và bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình;

- Kiểm soát và đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn công tác thi công xây dựng;

- Hình thức giám sát, quản lý chất lượng nội bộ và tổ chức nghiệm thu nội bộ;

- Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng; quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế.

e) Các tài liệu và chứng chỉ của vật tư, thiết bị để chứng minh sự đúng đắn trong quản lý chất lượng trong suốt quá trình thi công và lắp đặt; kiểm tra các chứng chỉ kiểm định chất lượng vật liệu, nguồn gốc xuất xứ phù hợp với yêu cầu thiết kế, hồ sơ dự thầu và tiêu chuẩn quy phạm của nhà nước.

g) Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu; hình thức, nội dung nhật ký thi công xây dựng công trình.

h) Hồ sơ quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo từng giai đoạn thi công bao gồm các chứng chỉ về: vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình; hồ sơ nghiệm thu các giai đoạn; hồ sơ hoàn công theo quy định tại các điều 24, 25 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

i) Hồ sơ biện pháp thi công, sự phù hợp của biện pháp thi công thực tế với hồ sơ dự thầu; sự phù hợp của tiến độ thi công thực tế với hồ sơ dự thầu.

k) Bản vẽ hoàn công, nhật ký thi công công trình theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19, điểm d Khoản 1 Điều 21 và Khoản 2 Điều 22, Điều 27 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

l) Công tác nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu công việc; nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu tổng thể công trình để đưa vào sử dụng; kiểm tra biên bản nghiệm thu tổng thể, các căn cứ để nghiệm thu tổng thể.

4. Đối với đánh giá chất lượng thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, nội dung kiểm tra gồm:

a) Sự phù hợp về năng lực của tổ chức và cá nhân tham gia công tác tư vấn giám sát theo quy định tại Điều 51 và Điều 54 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.

b) Sự phù hợp năng lực của nhà thầu với hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã ký.

c) Công tác nghiệm thu xác nhận công trình thi công đúng theo thiết kế được duyệt, việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng của nhà nước, đảm bảo chất lượng, khối lượng và tiến độ thi công của tư vấn giám sát.

d) Sự phù hợp của nhật ký giám sát thi công với hồ sơ liên quan như: nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu.

5. Đối với đánh giá chất lượng thực hiện công tác giám sát tác giả thiết kế theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, kiểm tra các nội dung:

a) Sự phù hợp về năng lực của người tham gia giám sát và chế độ giám sát tác giả thiết kế của nhà thầu thiết kế;

b) Việc tuân thủ các nội dung giám sát tác giả thiết kế của nhà thầu thiết kế theo hợp đồng thiết kế xây dựng công trình.

6. Đối với đánh giá thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định và giám sát chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng và sự phù hợp về chất lượng công trình, kiểm tra sự phù hợp về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia công tác thí nghiệm vật tư, vật liệu, kiểm định chất lượng công trình.

7. Đối với hiện trường thi công xây lắp, kiểm tra tính đúng đắn, sự phù hợp của các sản phẩm xây dựng so với thiết kế được duyệt và hoàn công công trình.

Điều 12. Kiểm tra công tác quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình

Kiểm tra công tác quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình thực theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP gồm các nội dung:

1. Sự tuân thủ của việc thi công xây dựng công trình với khối lượng thiết kế được duyệt;

2. Việc xác nhận khối lượng thi công xây dựng công trình theo thời gian hoặc theo giai đoạn thi công, sự phù hợp của khối lượng thi công so với khối lượng thiết kế được duyệt, khối lượng trong hồ sơ dự thầu để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng;

3. Sự phù hợp của khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán được duyệt.

Điều 13. Kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động

Việc kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 78 Luật Xây dựng và Điều 30 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP được thực hiện đối với cả chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình.

1. Đối với chủ đầu tư, kiểm tra các nội dung:

a) Việc lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật về an toàn lao động (kiểm tra hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu về nội dung yêu cầu an toàn lao động và phòng, chống cháy nổ);

b) Công tác tổ chức, thực hiện của chủ đầu tư trong kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn lao động của nhà thầu thi công xây dựng trên công trường.

2. Đối với nhà thầu thi công xây dựng công trình, kiểm tra các nội dung:

a) Sự tuân thủ của nhà thầu đối với cam kết an toàn lao động, bao gồm:

- Biện pháp thi công do nhà thầu lập được chủ đầu tư phê duyệt, trong đó phải có quy định rõ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho người, máy, thiết bị và công trình phù hợp với biện pháp an toàn trong hồ sơ dự thầu;

- Sự phù hợp về trang thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ kỹ thuật và công nhân trên công trường với hồ sơ dự thầu; các chứng chỉ tập huấn về an toàn lao động; bảo hiểm lao động và giấy khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ kỹ thuật và công nhân; hồ sơ kiểm định, đăng ký (nếu có), bảo dưỡng máy và thiết bị đảm bảo an toàn cho người lao động và công trình.

b) Công tác tổ chức và thực hiện an toàn lao động trên công trường: hệ thống lưới an toàn; mái che chắn vật rơi; dàn giáo; độ cách điện của hệ thống điện sản xuất; hệ thống bảng nội quy, khẩu hiệu về an toàn lao động; trạm y tế hoặc tủ thuốc y tế đảm bảo sơ cứu cho người bị tai nạn.

Điều 14. Kiểm tra công tác quản lý môi trường lao động

Kiểm tra công tác quản lý môi trường lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 79 Luật Xây dựng và Điều 31 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với chủ đầu tư, kiểm tra công tác tổ chức, thực hiện của chủ đầu tư trong kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về môi trường xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng trên công trường.

2. Đối với nhà thầu thi công xây dựng công trình, nội dung kiểm tra gồm:

a) Biện pháp thi công của nhà thầu, trong đó phải nêu rõ các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường xây dựng, phù hợp với các cam kết vệ sinh môi trường trong hồ sơ dự thầu của đơn vị thi công;

b) Việc thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của nhà thầu, bao gồm: môi trường không khí, môi trường nước, chất thải sinh hoạt, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường.

Điều 15. Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình, hạng mục công trình của chủ đầu tư (hồ sơ hoàn thành công trình)

1. Nội dung kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình gồm: sự tuân thủ quy định của pháp luật về quy trình lập hồ sơ, các tài liệu trong hồ sơ và công tác lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình, việc gửi lưu trữ nhà nước đối với hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công theo quy định.

2. Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình gồm: các tài liệu có liên quan tới đầu tư và xây dựng công trình từ chủ trương đầu tư, dự án đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng (trường hợp chỉ phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng), khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình tới thi công công trình, nghiệm thu công việc xây dựng hoàn thành, nghiệm thu bộ phận công trình hoàn thành, nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành, nghiệm thu hạng mục công trình hoàn thành, nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của trưởng đoàn và thành viên đoàn kiểm tra

1. Trách nhiệm, quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra

a) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra chi tiết;

b) Tổ chức, chỉ đạo các thành viên đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra theo quy định;

c) Đề nghị chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra;

d) Tổ chức xây dựng báo cáo kiểm tra và dự thảo kết luận kiểm tra;

đ) Tổ chức theo dõi việc khắc phục các tồn tại đã nêu trong kết luận kiểm tra (khi có yêu cầu của người có thẩm quyền của cơ quan kiểm tra);

2. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên đoàn kiểm tra

a) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo trưởng đoàn về kết quả kiểm tra đối với công việc được trưởng đoàn kiểm tra phân công và chịu trách nhiệm về nội dung đã báo cáo;

b) Tham gia chuẩn bị công tác kiểm tra và xây dựng báo cáo kiểm tra;

c) Thực hiện các công việc khác liên quan đến công tác kiểm tra theo sự phân công;

3. Trong quá trình kiểm tra, nếu có cơ sở chứng minh kết quả khảo sát, chất lượng của thiết kế và chất lượng công trình thi công không đảm bảo theo quy định của nhà nước, đoàn kiểm tra có thể đề nghị chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan làm rõ. Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể yêu cầu chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn độc lập có đủ năng lực kiểm tra lại kết quả khảo sát, kiểm tra lại thiết kế, kiểm định chất lượng; thí nghiệm, quan trắc đối chứng đối với công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư

1. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình do mình quản lý.

2. Tổng hợp, định kỳ báo cáo (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm) về công tác quản lý chất lượng công trình và tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình được giao quản lý về Cơ quan kiểm tra. Đối với báo cáo quý, gửi trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo; đối với báo cáo 6 tháng, gửi trước ngày 05 tháng 7 hằng năm; đối với báo cáo năm, gửi trước ngày 05 tháng 01 năm sau.

Báo cáo được lập theo mẫu số 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Phối hợp và tạo điều kiện để đoàn kiểm tra thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra và quyết định kiểm tra đã được người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Báo cáo trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp.

5. Được cơ quan kiểm tra thông báo về kết luận kiểm tra và có quyền kiến nghị, giải trình về kết luận của cơ quan kiểm tra.

6. Tổ chức khắc phục tồn tại đã nêu trong kết luận kiểm tra và báo cáo Cơ quan kiểm tra về kết quả khắc phục.

Điều 18. Phân cấp trách nhiệm và thẩm quyền trong kiểm tra

1. Bộ trưởng Bộ Công an

a) Chỉ đạo toàn diện công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

b) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có) đối với các dự án do Bộ trưởng quyết định đầu tư.

c) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra đối với các dự án phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

a) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

b) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có) đối với các dự án được Bộ trưởng phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư.

c) Đề xuất các biện pháp xử lý theo quy định trình Bộ trưởng quyết định đối với các dự án do Bộ trưởng quyết định đầu tư, các dự án được Bộ trưởng ủy quyền hoặc phân cấp quyết định đầu tư (trong trường hợp cần thiết).

d) Chỉ đạo tổng hợp tình hình thực hiện kiểm tra hằng năm đối với công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

3. Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng cơ bản và doanh trại

a) Lập kế hoạch kiểm tra trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật phê duyệt.

b) Phê duyệt quyết định kiểm tra, thực hiện kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra đã được duyệt.

c) Kiểm tra, giám sát, quản lý quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo chức năng, nhiệm vụ do Bộ Công an quy định.

d) Phối hợp với các đơn vị chức năng khác của Bộ Công an để thực hiện việc kiểm tra dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân.

đ) Báo cáo người có thẩm quyền trong kiểm tra về vi phạm pháp luật trong thực hiện dự án đầu tư của chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan và kiến nghị biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp qua kiểm tra phát hiện có sai phạm nghiêm trọng, có quyền tạm dừng, đình chỉ việc thực hiện dự án đầu tư trước khi báo cáo người có thẩm quyền trong kiểm tra.

e) Theo dõi, kiểm tra việc khắc phục các tồn tại đã nêu trong kết luận kiểm tra.

g) Yêu cầu các đơn vị gửi báo cáo định kỳ (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm) về tình hình thực hiện kiểm tra thường xuyên công tác thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình do đơn vị quản lý.

h) Tổng hợp công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong lực lượng Công an nhân dân.

4. Thủ trưởng đơn vị được Bộ trưởng phân cấp hoặc ủy quyền quyết định dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật) có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan kiểm tra trong quá trình kiểm tra đối với các dự án được Bộ trưởng ủy quyền quyết định đầu tư.

b) Tổ chức thực hiện kiểm tra thường xuyên đối với các dự án được Bộ trưởng ủy quyền quyết định đầu tư.

5. Thủ trưởng đơn vị được Bộ trưởng giao thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BT có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra đã được người có thẩm quyền phê duyệt.

6. Thủ trưởng các đơn vị khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo kế hoạch kiểm tra khi có yêu cầu.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2012. Các quy định về kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân trái với quy định của Thông tư này đều bị bãi bỏ.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng các Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc các Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; Giám đốc các Học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân và thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc nảy sinh, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;
- Công báo nội bộ;
- Lưu: VT, H41.

BỘ TRƯỞNG

Thượng tướng Trần Đại Quang

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2012/TT-BCA ngày 06/7/2012

BỘ CÔNG AN
TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT

Số: /H41-H45

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm 20...

KẾ HOẠCH KIỂM TRA THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM .....

STT	Tên đơn vị/ Công trình kiểm tra	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư dự án			Thời gian thực hiện dự án	Phạm vi, nội dung kiểm tra	Thành phần tham gia dự kiến	Thời điểm kiểm tra dự kiến	Ghi chú
			Số quyết định	Ngày duyệt	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)					
1	Công trình 1									
2	Công trình 2									
3	....									

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCA ngày 06/7/2012

TỔNG CỤC HẬU CẦN - KỸ THUẬT **CỤC QUẢN LÝ XDCB VÀ DT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*. . ., ngày . . . tháng . . . năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình ....

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ DOANH TRẠI

Các căn cứ .....;

Xét đề nghị của (tên đơn vị chủ trì kiểm tra);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thực hiện công tác thực hiện dự án đầu tư tại ..... gồm các thành viên sau:

1. Ông (Bà) ....., Trưởng đoàn;

2. Ông (Bà) ....., Phó trưởng đoàn;

3. Ông (Bà) ....., Thư ký đoàn;

4. Ông (Bà) ....., Thành viên;

5. Ông (Bà) ....., Thành viên;

.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện kiểm tra:

1. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ đánh giá, kiểm tra các nội dung sau:

Căn cứ yêu cầu cụ thể của Đoàn kiểm tra để quy định cho phù hợp, ví dụ như:

(- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Các nội dung khác có liên quan.)

Mẫu số 03

Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCA ngày 06/7/2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Thực hiện theo Thông tư số /2012/TT-BCA ngày ...tháng...năm... của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy định công tác kiểm tra thực hiện dự án đầu tư công trình trong lực lượng Công an nhân dân.

Thực hiện kế hoạch số ..../H41-H45 ngày ... tháng ... năm 20... của Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật về kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong lực lượng Công an nhân dân.

Thực hiện Quyết định kiểm tra số ..../QĐ-H45-... ngày ... tháng ... năm 20... của Cục H45 về kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình:

1. Công trình: .....

2. Địa điểm xây dựng: .....

3. Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Đoàn kiểm tra thuộc Cơ quan kiểm tra

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia)

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: tên của cơ quan, đơn vị

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia)

- Đại diện tổ chức tư vấn: tên của tổ chức tư vấn

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia)

- Đại diện nhà thầu thi công (xây lắp và thiết bị): tên của doanh nghiệp

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia)

- Cơ quan khác liên quan (nếu có): tên đơn vị tham gia

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia)

4. Thời gian kiểm tra:

Bắt đầu h 00, ngày tháng năm 20...

Kết thúc h 00, ngày tháng năm 20...

5. Nội dung kiểm tra:

a) Tình hình triển khai dự án:.....

b) Kiểm tra hồ sơ pháp lý: .....

c) Kiểm tra hiện trường: .....

6. Ý kiến của các bên tham gia kiểm tra:

a) Ý kiến của Đoàn kiểm tra.

b) Ý kiến của chủ đầu tư.

c) Ý kiến của tư vấn *(giám sát thi công, thiết kế, ...):*

d) Ý kiến của nhà thầu *(xây lắp, thiết bị):*

Trên đây là toàn bộ nội dung biên bản làm việc giữa Đoàn kiểm tra với ..... Biên bản kết thúc vào lúc ..... cùng ngày, các bên đã cùng nhau thống nhất và ký tên.

Đại diện Cơ quan kiểm tra *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*	**Đại diện chủ đầu tư** *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*
Đại diện nhà thầu thi công (xây lắp, thiết bị) *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*	**Đại diện tổ chức tư vấn** *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Mẫu số 04

Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCA ngày 06/7/2012

TỔNG CỤC HẬU CẦN - KỸ THUẬT **CỤC QUẢN LÝ XDCB VÀ DT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*. . ., ngày . . . tháng . . . năm...*

KẾT LUẬN KIỂM TRA

Về việc triển khai công tác thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tại...

I. Tình hình thực hiện tại...

(Nêu khái quát chung về tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tại đơn vị được kiểm tra)

II. Nội dung kiểm tra

(Nêu chi tiết nội dung kiểm tra của các dự án đã kiểm tra)

III. Nhận xét

1. Những mặt đạt được

2. Những tồn tại, sai sót

IV. Kiến nghị

- Đối với đối tượng kiểm tra.

- Đối với các đơn vị khác có liên quan.

Nơi nhận:	**CỤC TRƯỞNG** *(ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 05

Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCA ngày 06/7/1012

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số :	*……, ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO

về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng

..... (*ghi tên công trình*) .....

(Báo cáo định kỳ: báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và báo cáo khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng)

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi : Cục Quản lý xây dựng cơ bản và doanh trại

.....(*tên tổ chức cá nhân*) ..... là Đại diện Chủ đầu tư công trình ..... (*ghi tên công trình*) ..... xin báo cáo về chất lượng xây dựng công trình với các nội dung sau :

I. Các thông tin về công trình/dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Địa điểm xây dựng công trình .....

2. Quy mô công trình (*nêu tóm tắt về kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật, công nghệ, công suất...).*

3. Tổ chức, cơ quan phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (*ghi số, ngày, tháng của Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình).*

4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính và các nhà thầu phụ): khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, thí nghiệm, kiểm định xây dựng (nếu có); những phần việc do các nhà thầu đó thực hiện.

5. Về thời hạn thi công xây dựng công trình:

a) Ngày khởi công;

b) Ngày hoàn thành (*dự kiến theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình*).

II. Nội dung báo cáo thường kỳ

1. Tóm tắt về tiến độ thi công xây dựng công trình.

2. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế đã được phê duyệt *(nêu những sửa đổi lớn, lý do sửa đổi, ý kiến của cấp có thẩm quyền về những sửa đổi đó).*

3. Công tác nghiệm thu: bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng hoàn thành được thực hiện trong kỳ báo cáo.

4. Đánh giá về chất lượng các bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng, hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình xây dựng được nghiệm thu trong kỳ báo cáo.

5. Sự cố và khiếm khuyết về chất lượng, nếu có: thời điểm xảy ra, vị trí, thiệt hại, nguyên nhân, tình hình khắc phục.

6. Dự kiến kế hoạch nghiệm thu trong kỳ báo cáo tiếp theo.

7. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình khi hoàn thành (*áp dụng cho lần báo cáo cuối cùng)*

a) Theo thiết kế đã được phê duyệt;

b) Theo thực tế đạt được.

8. Kiến nghị (*nếu có*).

Nơi nhận :
- Như trên;
- ;
- Lưu: .

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)